

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Biên kịch điện ảnh

| TT | Họ và tên thí sinh |      | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nguyễn Thùy        | Anh  | 1004 | 031305004124 | Nữ        | 21/12/2005 | Đỗ Sơn - Hải Phòng        | Kinh    |           | KV3     | 12.67             | 8.0 | 0.00    | 20.67     |
| 2  | Trần Trúc          | Linh | 1019 | 001306001848 | Nữ        | 07/01/2006 | Đống Đa - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 11.33             | 8.2 | 0.00    | 19.53     |
| 3  | Nguyễn Tuấn        | Nam  | 1021 | 036206028434 | Nam       | 16/08/2006 | Long Biên - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 9.2 | 0.00    | 19.20     |
| 4  | Nguyễn Thị Thu     | Thùy | 1029 | 001306006794 | Nữ        | 01/09/2006 | Hoài Đức - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 11.00             | 9.6 | 0.00    | 20.60     |
| 5  | Đỗ Thị             | Xuân | 1032 | 019306007824 | Nữ        | 28/10/2006 | Tp. Phố Yên - Thái Nguyên | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 7.9 | 0.25    | 18.15     |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024  
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Biên tập truyền hình

| TT | Họ và tên thí sinh  |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                 | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|---------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|-------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                     |       |      |              |           |            |                         |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Bùi Phương          | Anh   | 1101 | 031306004795 | Nữ        | 04/08/2006 | Đồ Sơn - Hải Phòng      | Kinh    |           | KV3     | 6.00              | 8.2 | 0.00    | 14.20     |
| 2  | Hoàng Nguyễn Phương | Anh   | 1103 | 036306004298 | Nữ        | 05/11/2006 | Ý Yên - Nam Định        | Kinh    |           | KV2-NT  | 9.33              | 9.2 | 0.50    | 19.03     |
| 3  | Phạm Hoàng          | Anh   | 1112 | 022206001612 | Nam       | 22/08/2006 | Vân Đồn - Quảng Ninh    | Kinh    |           | KV2-NT  | 9.67              | 7.6 | 0.50    | 17.77     |
| 4  | Phan Thị Mai        | Anh   | 1113 | 026306000493 | Nữ        | 21/11/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 8.67              | 8.1 | 0.00    | 16.77     |
| 5  | Trần Tiến           | Anh   | 1114 | 010206008857 | Nam       | 02/01/2006 | Bảo Thắng - Lào Cai     | Kinh    |           | KV1     | 10.33             | 9.3 | 0.75    | 20.38     |
| 6  | Đậu Phi             | Dũng  | 1118 | 040206010136 | Nam       | 28/09/2006 | Tx. Hoàng Mai - Nghệ An | Kinh    |           | KV2     | 10.33             | 9.4 | 0.25    | 19.98     |
| 7  | Đỗ Quốc             | Khánh | 1122 | 001204022666 | Nam       | 01/09/2004 | Tây Hồ - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 9.33              | 7.1 | 0.00    | 16.43     |
| 8  | Dương Yến           | Nhi   | 1136 | 001306030063 | Nữ        | 13/07/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 9.67              | 9.0 | 0.00    | 18.67     |
| 9  | Nguyễn Tuấn         | Thành | 1138 | 001205006899 | Nam       | 04/01/2005 | Gia Lâm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV2     | 6.33              | 7.1 | 0.25    | 13.68     |
| 10 | Lê Quốc             | Trị   | 1142 | 036200009724 | Nam       | 10/01/2000 | Giao Thủy - Nam Định    | Kinh    |           | KV2-NT  | 8.33              | 6.0 | 0.50    | 14.83     |
| 11 | Phan Bích           | Vân   | 1144 | 040305004572 | Nữ        | 28/03/2005 | Diễn Châu - Nghệ An     | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.33             | 8.5 | 0.50    | 19.33     |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024  
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn điện ảnh

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                 | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|-------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                         |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nguyễn Phan        | Anh    | 1203 | 001203004261 | Nam       | 20/08/2003 | Hai Bà Trưng - Hà Nội   | Kinh    |           | KV3     | 10.33             | 6.9 | 0.00    | 17.23     |
| 2  | Đặng               | Duy    | 1211 | 001205027252 | Nam       | 02/06/2005 | Ba Đình - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 10.67             | 7.3 | 0.00    | 17.97     |
| 3  | Lưu Thị            | Luyến  | 1223 | 019306001485 | Nữ        | 05/04/2006 | Đồng Hỷ - Thái Nguyên   | Sán Dìu | 01        | KV1     | 12.33             | 8.3 | 2.75    | 23.38     |
| 4  | Đỗ Mạnh            | Nguyên | 1230 | 014206005078 | Nam       | 05/08/2006 | Mộc Châu - Sơn La       | Kinh    |           | KV1     | 11.50             | 6.8 | 0.75    | 19.05     |
| 5  | Nguyễn Sỹ          | Trường | 1236 | 001204021117 | Nam       | 29/03/2004 | Đông Anh - Hà Nội       | Kinh    |           | KV2     | 9.67              | 6.7 | 0.25    | 16.62     |
| 6  | Trần Chính         | Hoa    | 1214 | 027306011450 | Nữ        | 16/03/2006 | Tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn truyền hình

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu          | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                  |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nguyễn Tuấn Khoa   | 1307 | 001202024885 | Nam       | 26/07/2002 | Ba Đình - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | 10.33             | 5.7 | 0.00    | 16.03     |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn, sản xuất nội dung số

| TT | Họ và tên thí sinh |      | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu           | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |                    |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|------|--------------|-----------|------------|-------------------|---------|-----------|---------|-------------------|--------------------|---------|-----------|
|    |                    |      |      |              |           |            |                   |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn                | Ưu tiên |           |
| 1  | Ngô Đức            | Dũng | 1405 | 001206003203 | Nam       | 19/03/2006 | Ba Đình - Hà Nội  | Kinh    |           | KV3     | 7.33              | 7.3                | 0.00    | 14.63     |
| 2  | Nguyễn Đăng        | Khoa | 1408 | 001204029085 | Nam       | 17/05/2004 | Phúc Thọ - Hà Nội | Kinh    |           | KV2     | 8.33              | Không nộp điểm văn |         |           |
| 3  | Tạ Phương          | Uyên | 1414 | 001306054679 | Nữ        | 22/08/2006 | Phúc Thọ - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | 9.67              | Không nộp điểm văn |         |           |
| 4  | Phạm Ngọc          | Anh  | 1403 | 001306016467 | Nữ        | 23/06/2006 | Đống Đa - Hà Nội  | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |
| 5  | Nguyễn Khánh       | Linh | 1409 | 001306032192 | Nữ        | 27/08/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Quay phim điện ảnh

| TT | Họ và tên thí sinh |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                  | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|--------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |       |      |              |           |            |                          |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nông Thị Minh      | Huệ   | 1511 | 020306000739 | Nữ        | 13/12/2006 | Tp. Lạng Sơn - Lạng Sơn  | Tày     | 01        | KV1     | 11.00             | 7.8 | 2.75    | 21.55     |
| 2  | Trần Duy           | Mạnh  | 1519 | 036206006295 | Nam       | 28/10/2006 | Hải Hậu - Nam Định       | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.25             | 7.5 | 0.50    | 18.25     |
| 3  | Bùi Hữu            | Thành | 1533 | 022206012006 | Nam       | 15/11/2006 | Tp. Cẩm Phả - Quảng Ninh | Kinh    |           | KV2     | 11.75             | 8.3 | 0.25    | 20.30     |
| 4  | Nguyễn Văn         | Trọng | 1536 | 027204012746 | Nam       | 28/02/2004 | Gia Bình - Bắc Ninh      | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.50             | 7.1 | 0.50    | 18.10     |
| 5  | Đỗ Xuân            | Huỳnh | 1530 | 025093001244 | Nam       | 01/05/1993 | Đoan Hùng - Phú Thọ      | Kinh    |           | KV1     | Không thi         |     |         |           |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Quay phim truyền hình

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Lý Khương Duy      | 1605 | 006205004872 | Nam       | 19/07/2005 | Tp. Bắc Kạn - Bắc Kạn     | Kinh    |           | KV1     | 10.25             | 5.7 | 0.75    | 16.70     |
| 2  | Phạm Minh Đức      | 1603 | 037206000413 | Nam       | 13/10/2006 | Tp. Ninh Bình - Ninh Bình | Kinh    |           | KV2-NT  | Không thi         |     |         |           |
| 3  | Đỗ Bằng Trọng      | 1606 | 001206070525 | Nam       | 22/05/2006 | Đông Anh - Hà Nội         | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh nghệ thuật

| TT | Họ và tên thí sinh |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |       |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nguyễn Thành       | Công  | 1705 | 036206033835 | Nam       | 23/07/2006 | Giao Thủy - Nam Định      | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.00             | 7.5 | 0.50    | 18.00     |
| 2  | Vũ Duy Thanh       | Hải   | 1713 | 001206085833 | Nam       | 15/02/2006 | Mê Linh - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | 9.00              | 6.6 | 0.25    | 15.85     |
| 3  | Phạm Tuấn          | Hưng  | 1716 | 037205000427 | Nam       | 06/10/2005 | Tp. Ninh Bình - Ninh Bình | Kinh    |           | KV2     | 10.50             | 6.4 | 0.25    | 17.15     |
| 4  | Nguyễn Anh         | Tuấn  | 1748 | 027206009700 | Nam       | 16/01/2006 | Quế Võ - Bắc Ninh         | Kinh    |           | KV2-NT  | 9.50              | 8.3 | 0.50    | 18.30     |
| 5  | Nguyễn Thị Hồng    | Vân   | 1749 | 033306008333 | Nữ        | 22/11/2006 | Văn Giang - Hưng Yên      | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.50             | 7.9 | 0.50    | 18.90     |
| 6  | Nguyễn Triệu Việt  | Vương | 1750 | 017206004966 | Nam       | 05/02/2006 | Tp. Hòa Bình - Hoà Bình   | Kinh    |           | KV1     | 9.50              | 7.3 | 0.75    | 17.55     |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh báo chí

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Trần Văn Thái Sơn  | 1813 | 026206005074 | Nam       | 01/07/2006 | Tp. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc  | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 6.7 | 0.25    | 14.95     |
| 2  | Trần Quốc Triệu    | 1815 | 034206005166 | Nam       | 15/11/2006 | Tp. Thái Bình - Thái Bình | Kinh    |           | KV2     | 7.50              | 7.5 | 0.25    | 15.25     |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
\* HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                       | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |                    |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|-------------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|--------------------|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                               |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn                | Ưu tiên |           |
| 1  | Phạm Ngọc Ánh      | 1907 | 001306008386 | Nữ        | 20/05/2006 | Thanh Trì - Hà Nội            | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 8.1                | 0.25    | 18.35     |
| 2  | Nguyễn Anh Đình    | 1909 | 008204001549 | Nam       | 16/01/2004 | Tp. Tuyên Quang - Tuyên Quang | Kinh    |           | KV1     | 10.00             | 7.2                | 0.75    | 17.95     |
| 3  | Nguyễn Đại Hoàng   | 1915 | 010206000282 | Nam       | 29/03/2006 | Bắc Hà - Lào Cai              | Kinh    |           | KV1     | 10.00             | 6.6                | 0.75    | 17.35     |
| 4  | Lê Xuân Sang       | 1930 | 040206000644 | Nam       | 24/09/2006 | Nam Đàn - Nghệ An             | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.50             | 7.9                | 0.50    | 18.90     |
| 5  | Võ Quốc Anh        | 1905 | 042205000070 | Nam       | 27/05/2005 | Thanh Xuân - Hà Nội           | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | Không nộp điểm văn |         |           |
| 6  | Phạm Đăng Khôi     | 1920 | 001206088490 | Nam       | 04/11/2006 | Ba Đình - Hà Nội              | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |
| 7  | Phí Quang Nghĩa    | 1927 | 001206014901 | Nam       | 26/02/2006 | Ba Đình - Hà Nội              | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |
| 8  | Nguyễn Đình Vương  | 1933 | 001205045392 | Nam       | 09/12/2005 | Hà Đông - Hà Nội              | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Công nghệ dựng phim

| TT | Họ và tên thí sinh |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu             | Dân tộc | Đổi tượng | Khu vực | Điểm              |      |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|---------------------|---------|-----------|---------|-------------------|------|---------|-----------|
|    |                    |       |      |              |           |            |                     |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Toán | Ưu tiên |           |
| 1  | Vũ Long            | Khánh | 2013 | 001206007444 | Nam       | 27/08/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội  | Kinh    |           | KV3     | 9.50              | 7.1  | 0.00    | 16.60     |
| 2  | Cù Trung           | Nghĩa | 2016 | 001206080291 | Nam       | 06/08/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |      |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
**(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)**

Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình

| TT | Họ và tên thí sinh |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                     | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|-----------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |       |      |              |           |            |                             |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Bùi Phương         | Anh   | 3003 | 001306003109 | Nữ        | 11/05/2006 | Hoàn Kiếm - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 8.00              | 8.3 | 0.00    | 16.30     |
| 2  | Đinh Xuân Quang    | Anh   | 3005 | 027206002775 | Nam       | 10/12/2006 | Tx. Từ Sơn - Bắc Ninh       | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 7.8 | 0.25    | 18.05     |
| 3  | Lê Ngọc            | Anh   | 3007 | 001203010006 | Nam       | 20/11/2003 | Hà Đông - Hà Nội            | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 7.0 | 0.25    | 15.25     |
| 4  | Ngô Quang          | Anh   | 3010 | 001206006460 | Nam       | 03/10/2006 | Hai Bà Trưng - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 7.8 | 0.00    | 17.80     |
| 5  | Nguyễn Bá Việt     | Anh   | 3012 | 024206003802 | Nam       | 07/05/2006 | Lục Nam - Bắc Giang         | Kinh    |           | KV1     | 8.00              | 7.6 | 0.75    | 16.35     |
| 6  | Nguyễn Thị Vân     | Anh   | 3020 | 025306007625 | Nữ        | 09/04/2006 | Yên Lập - Phú Thọ           | Mường   | 06        | KV2-NT  | 10.00             | 6.3 | 1.50    | 17.80     |
| 7  | Nguyễn Tiến        | Anh   | 3021 | 001202034154 | Nam       | 03/10/2002 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 8.00              | 8.1 | 0.00    | 16.10     |
| 8  | Phạm Đức           | Anh   | 3023 | 001205033139 | Nam       | 22/02/2005 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 8.2 | 0.00    | 18.20     |
| 9  | Nguyễn Minh        | Ánh   | 3028 | 001306034909 | Nữ        | 08/10/2006 | Hai Bà Trưng - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 8.00              | 8.9 | 0.00    | 16.90     |
| 10 | Nguyễn Ngọc        | Ánh   | 3030 | 015306004966 | Nữ        | 30/06/2006 | Yên Bình - Yên Bái          | Kinh    |           | KV1     | 10.00             | 5.8 | 0.75    | 16.55     |
| 11 | Đặng Minh          | Châu  | 3041 | 034306002765 | Nữ        | 27/10/2006 | Vũ Thư - Thái Bình          | Kinh    |           | KV2-NT  | 8.00              | 8.5 | 0.50    | 17.00     |
| 12 | Nguyễn Ngọc Minh   | Châu  | 3042 | 001306031795 | Nữ        | 11/02/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội           | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 8.6 | 0.00    | 18.60     |
| 13 | Đàm Thu            | Cúc   | 3046 | 001306055833 | Nữ        | 05/01/2006 | Mê Linh - Hà Nội            | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 8.0 | 0.25    | 18.25     |
| 14 | Nguyễn Hà          | Dương | 3070 | 001203047514 | Nam       | 23/06/2003 | Ứng Hòa - Hà Nội            | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 6.8 | 0.25    | 15.05     |
| 15 | Lê Thị Hoàng       | Giang | 3074 | 038305000055 | Nữ        | 03/02/2005 | Cầu Giấy - Hà Nội           | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 7.7 | 0.00    | 17.70     |
| 16 | Phạm Đình          | Hiếu  | 3092 | 034203001793 | Nam       | 12/06/2003 | Vũ Thư - Thái Bình          | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.00             | 8.1 | 0.50    | 18.60     |
| 17 | Đào Thu            | Huyền | 3113 | 022306007798 | Nữ        | 21/01/2006 | Tx. Đông Triều - Quảng Ninh | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 8.5 | 0.25    | 16.75     |
| 18 | Nguyễn Thu         | Huyền | 3116 | 001306067407 | Nữ        | 06/01/2006 | Thạch Thất - Hà Nội         | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 7.7 | 0.25    | 17.95     |
| 19 | Phạm Vĩnh Bảo      | Khánh | 3122 | 026205000764 | Nam       | 10/12/2005 | Tp. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc    | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 6.7 | 0.25    | 14.95     |
| 20 | Phạm Khánh         | Linh  | 3142 | 031306000733 | Nữ        | 24/08/2006 | Lê Chân - Hải Phòng         | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 8.8 | 0.00    | 18.80     |
| 21 | Trần Ngọc          | Linh  | 3144 | 001305029484 | Nữ        | 31/07/2005 | Phúc Thọ - Hà Nội           | Kinh    |           | KV2     | 8.00              | 6.5 | 0.25    | 14.75     |
| 22 | Vương Thùy         | Linh  | 3146 | 001305001576 | Nữ        | 19/04/2005 | Cầu Giấy - Hà Nội           | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 8.2 | 0.00    | 18.20     |
| 23 | Lê Duy             | Lộc   | 3147 | 001206006303 | Nam       | 27/06/2006 | Chương Mỹ - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 9.1 | 0.25    | 19.35     |
| 24 | Đỗ Duy             | Mạnh  | 3154 | 038205021919 | Nam       | 24/04/2005 | Lang Chánh - Thanh Hoá      | Kinh    |           | KV1     | 10.00             | 6.4 | 0.75    | 17.15     |

|    |                     |      |              |     |            |                        |       |    |        |       |                    |      |       |
|----|---------------------|------|--------------|-----|------------|------------------------|-------|----|--------|-------|--------------------|------|-------|
| 25 | Trần Ngọc Minh      | 3156 | 015205000099 | Nam | 01/08/2005 | Lục Yên - Yên Bái      | Kinh  |    | KV1    | 10.00 | 7.2                | 0.75 | 17.95 |
| 26 | Nguyễn Hà My        | 3158 | 026305000168 | Nữ  | 07/08/2005 | Ba Đình - Hà Nội       | Kinh  |    | KV3    | 8.00  | 9.1                | 0.00 | 17.10 |
| 27 | Nguyễn Ngọc Hà My   | 3160 | 001306002648 | Nữ  | 26/07/2006 | Đống Đa - Hà Nội       | Kinh  |    | KV3    | 8.00  | 9.2                | 0.00 | 17.20 |
| 28 | Nguyễn Thị Trà My   | 3161 | 025306006403 | Nữ  | 30/06/2006 | Tx. Phú Thọ - Phú Thọ  | Kinh  |    | KV2    | 8.00  | 8.0                | 0.25 | 16.25 |
| 29 | Phạm Trà My         | 3162 | 025306006203 | Nữ  | 12/10/2006 | Tp. Việt Trì - Phú Thọ | Kinh  |    | KV2    | 10.00 | 8.0                | 0.25 | 18.25 |
| 30 | Bùi Linh Ngân       | 3164 | 001306001765 | Nữ  | 20/03/2006 | Đống Đa - Hà Nội       | Kinh  |    | KV3    | 8.00  | 9.2                | 0.00 | 17.20 |
| 31 | Trần Thúy Ngọc      | 3169 | 001304023646 | Nữ  | 07/06/2004 | Đống Đa - Hà Nội       | Kinh  |    | KV3    | 8.00  | 9.0                | 0.00 | 17.00 |
| 32 | Trương Bảo Ngọc     | 3170 | 017306004284 | Nữ  | 03/03/2006 | Lương Sơn - Hoà Bình   | Kinh  |    | KV1    | 8.00  | 7.2                | 0.75 | 15.95 |
| 33 | Bùi Thị Bích Phượng | 3186 | 001306054287 | Nữ  | 23/08/2006 | Thạch Thất - Hà Nội    | Mường | 01 | KV1    | 10.00 | 7.6                | 2.75 | 20.35 |
| 34 | Trần Minh Thư       | 3209 | 034303005280 | Nữ  | 18/06/2003 | Tiền Hải - Thái Bình   | Kinh  |    | KV2-NT | 8.00  | 6.8                | 0.50 | 15.30 |
| 35 | Nguyễn Sơn Tùng     | 3238 | 001206015895 | Nam | 13/09/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội      | Kinh  |    | KV3    | 8.00  | 8.5                | 0.00 | 16.50 |
| 36 | Nguyễn Thanh Tùng   | 3239 | 001206005152 | Nam | 12/08/2006 | Đông Anh - Hà Nội      | Kinh  |    | KV2    | 10.00 | 6.6                | 0.25 | 16.85 |
| 37 | Vũ Hữu Tùng         | 3240 | 001203016449 | Nam | 04/08/2003 | Đống Đa - Hà Nội       | Kinh  |    | KV3    | 10.00 | 5.8                | 0.00 | 15.80 |
| 38 | Nguyễn Kim Yến      | 3260 | 001306052315 | Nữ  | 26/01/2006 | Thanh Oai - Hà Nội     | Kinh  |    | KV2    | 10.00 | 8.6                | 0.25 | 18.85 |
| 39 | Quách Bảo Yến       | 3262 | 001306025273 | Nữ  | 24/03/2006 | Hoàn Kiếm - Hà Nội     | Kinh  |    | KV3    | 10.00 | 8.7                | 0.00 | 18.70 |
| 40 | Nguyễn Hồng Ngân Hà | 3081 | 008305000018 | Nữ  | 21/07/2005 | Cầu Giấy - Hà Nội      | Kinh  |    | KV3    | 13.00 | Không nộp điểm văn |      |       |
| 41 | Nguyễn Đức Dũng     | 3228 | 001205018954 | Nam | 07/11/2005 | Hoàng Mai - Hà Nội     | Kinh  |    | KV3    | 10.00 | Không nộp điểm văn |      |       |
| 42 | Lưu Quốc Vượng      | 3255 | 025206000950 | Nam | 28/09/2006 | Lâm Thao - Phú Thọ     | Kinh  |    | KV2    | 8.00  | Không nộp điểm văn |      |       |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
 TRƯỜNG  
 ĐẠI HỌC  
 SÂN KHẤU - ĐIỆN ANH  
 HÀ NỘI  
 \* HIỆU TRƯỞNG  
 PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên nhạc kịch

| TT | Họ và tên thí sinh |      | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Lê Hoàng           | Linh | 2908 | 033306005740 | Nữ        | 17/06/2006 | Khoái Châu - Hưng Yên     | Kinh    |           | KV2-NT  | 9.00              | 7.2 | 0.50    | 16.70     |
| 2  | Dương Hoàng        | Phúc | 2911 | 019205006785 | Nam       | 03/01/2005 | Phú Bình - Thái Nguyên    | Kinh    |           | KV2     | 9.00              | 7.4 | 0.25    | 16.65     |
| 3  | Bùi Đức            | Hùng | 2905 | 017206000739 | Nam       | 12/10/2006 | Kim Bôi - Hoà Bình        | Mường   | 01        | KV1     | Không thi         |     |         |           |
| 4  | Tạ Thị Thùy        | Liên | 2907 | 001306062604 | Nữ        | 11/09/2006 | Mê Linh - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |
| 5  | Vũ Đức Hào         | Nam  | 2909 | 037206005346 | Nam       | 07/08/2006 | Tp. Ninh Bình - Ninh Bình | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |
| 6  | Hồ Nhật            | Thi  | 2913 | 040305001776 | Nữ        | 15/07/2005 | Tp. Vinh - Nghệ An        | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn âm thanh ánh sáng sân khấu

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu               | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|-----------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                       |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Phan Quốc Huy      | 2109 | 001205006063 | Nam       | 21/07/2005 | Tây Hồ - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 7.0 | 0.00    | 17.00     |
| 2  | Vũ Anh Huy         | 2110 | 001204025752 | Nam       | 04/12/2004 | Phú Xuyên - Hà Nội    | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 6.9 | 0.25    | 18.15     |
| 3  | Lê Hoàng Hiệp      | 2107 | 001083025542 | Nam       | 10/08/1983 | Hai Bà Trưng - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |     |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
**(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)**  
Ngành / Chuyên ngành: Đạo diễn sự kiện lễ hội

| TT | Họ và tên thí sinh |       | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu              | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|-------|------|--------------|-----------|------------|----------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |       |      |              |           |            |                      |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Lê Thị Minh        | Ngọc  | 2220 | 036306000773 | Nữ        | 04/02/2006 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội | Kinh    |           | KV3     | 15.00             | 8.7 | 0.00    | 23.70     |
| 2  | Phan Hà            | Linh  | 2215 | 001306019192 | Nữ        | 02/11/2006 | Đống Đa - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |     |         |           |
| 3  | Nguyễn Thị         | Quyên | 2225 | 027182000812 | Nữ        | 02/12/1982 | Cầu Giấy - Hà Nội    | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |     |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên Cải lương

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu            | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |                    |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|--------------------|---------|-----------|---------|-------------------|--------------------|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                    |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn                | Ưu tiên |           |
| 1  | Lưu Quốc Vượng     | 3310 | 025206000950 | Nam       | 28/09/2006 | Lâm Thao - Phú Thọ | Kinh    |           | KV2     | 18.50             | Không nộp điểm văn |         |           |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thái

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Diễn viên Chèo

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                 | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|-------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                         |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Trịnh Thị Huyền    | 3407 | 027306002775 | Nữ        | 17/02/2006 | Tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh | Kinh    |           | KV2     | 12.50             | 8.7 | 0.25    | 21.45     |
| 2  | Đặng Yến Chi       | 3420 | 001306004347 | Nữ        | 13/07/2006 | Đống Đa - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 10.50             | 8.8 | 0.00    | 19.30     |
| 3  | Nguyễn Thị Hoa     | 3421 | 019306010653 | Nữ        | 21/09/2006 | Phú Bình - Thái Nguyên  | Kinh    |           | KV2-NT  | 11.50             | 9.2 | 0.50    | 21.20     |
| 4  | Trương Ngọc Hiếu   | 3405 | 027206005952 | Nam       | 02/12/2006 | Yên Phong - Bắc Ninh    | Kinh    |           | KV2     | Không thi         |     |         |           |
| 5  | Đào Thị Khánh Linh | 3411 | 033305004748 | Nữ        | 14/01/2005 | Văn Giang - Hưng Yên    | Kinh    |           | KV2-NT  | Không thi         |     |         |           |

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Nhạc công kịch hát dân tộc

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu             | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|---------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                     |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Nguyễn Đức An      | 3501 | 035204000082 | Nam       | 17/09/2004 | Tp. Phú Lý - Hà Nam | Kinh    |           | KV3     | 12.00             | 7.7 | 0.00    | 19.70     |

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Huấn luyện múa

| TT | Họ và tên thí sinh | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                  | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|------|--------------|-----------|------------|--------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |      |              |           |            |                          |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Đoàn Ngọc Minh Anh | 2701 | 001306031552 | Nữ        | 11/09/2006 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 11.78             | 7.8 | 0.00    | 19.58     |
| 2  | Nguyễn Hồng Minh   | 2710 | 022306004396 | Nữ        | 29/03/2006 | Tp. Hạ Long - Quảng Ninh | Kinh    |           | KV2     | 11.44             | 7.8 | 0.25    | 19.49     |
| 3  | Cao Tuyết Trinh    | 2717 | 002304007149 | Nữ        | 05/11/2004 | Tp. Hà Giang - Hà Giang  | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 7.4 | 0.25    | 18.65     |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Biên đạo múa

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Phạm Vũ Minh       | Anh    | 2602 | 037301005603 | Nữ        | 27/05/2001 | Thanh Xuân - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 13.00             | 6.4 | 0.00    | 19.40     |
| 2  | Trương Tú          | Anh    | 2603 | 001306007470 | Nữ        | 29/09/2006 | Hoài Đức - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 13.33             | 8.9 | 0.00    | 22.23     |
| 3  | Nguyễn Lê Hương    | Giang  | 2605 | 034305003749 | Nữ        | 11/01/2005 | Tp. Thái Bình - Thái Bình | Kinh    |           | KV3     | 13.00             | 6.0 | 0.00    | 19.00     |
| 4  | Nguyễn Như         | Hiền   | 2607 | 034098013780 | Nam       | 10/01/1998 | Hưng Hà - Thái Bình       | Kinh    |           | KV2-NT  | 11.33             | 6.6 | 0.50    | 18.43     |
| 5  | Nguyễn Thị         | Oanh   | 2610 | 001304015330 | Nữ        | 03/08/2004 | Hoài Đức - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 11.00             | 8.2 | 0.00    | 19.20     |
| 6  | Nguyễn Vũ Ngọc Mai | Phương | 2613 | 121303000001 | Nữ        | 16/08/2003 | Hai Bà Trưng - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 11.33             | 7.8 | 0.00    | 19.13     |
| 7  | Đỗ Thị Hải         | Yến    | 2619 | 011192008265 | Nữ        | 22/05/1992 | Điện Biên - Điện Biên     | Kinh    |           | KV3     | 13.11             | 6.0 | 0.00    | 19.11     |
| 8  | Nguyễn Phương      | Anh    | 2601 | 038305004363 | Nữ        | 24/08/2005 | Tĩnh Gia - Thanh Hoá      | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |     |         |           |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024  
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH  
HÀ NỘI  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)  
Ngành / Chuyên ngành: Biên đạo múa đại chúng

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                     | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|-----------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                             |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Lê Huệ             | Anh    | 2804 | 001304003487 | Nữ        | 06/05/2004 | Hai Bà Trưng - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 11.00             | 8.0 | 0.00    | 19.00     |
| 2  | Nguyễn Phương      | Anh    | 2808 | 036306009668 | Nữ        | 07/11/2006 | Nghĩa Hưng - Nam Định       | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.22             | 8.2 | 0.50    | 18.92     |
| 3  | Đỗ Thị Kim         | Chi    | 2814 | 001305031875 | Nữ        | 17/09/2005 | Thường Tín - Hà Nội         | Kinh    |           | KV2     | 10.33             | 6.7 | 0.25    | 17.28     |
| 4  | Phạm Thị Linh      | Chi    | 2815 | 034198016587 | Nữ        | 27/12/1998 | Yên Mô - Ninh Bình          | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.67             | 7.6 | 0.50    | 18.77     |
| 5  | Đào Thị Tâm        | Đoan   | 2822 | 008306002062 | Nữ        | 04/07/2006 | Chiêm Hóa - Tuyên Quang     | Kinh    |           | KV1     | 10.33             | 8.2 | 0.75    | 19.28     |
| 6  | Nguyễn Thảo        | Hiền   | 2829 | 031305009241 | Nữ        | 24/08/2005 | An Dương - Hải Phòng        | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 7.8 | 0.25    | 19.05     |
| 7  | Cầm Phương         | Mai    | 2847 | 014305002035 | Nữ        | 24/02/2005 | Tp. Sơn La - Sơn La         | Thái    | 01        | KV1     | 10.33             | 7.6 | 2.75    | 20.68     |
| 8  | Đặng Thị           | Quỳnh  | 2863 | 027306000510 | Nữ        | 01/07/2006 | Tx. Từ Sơn - Bắc Ninh       | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 6.4 | 0.25    | 17.65     |
| 9  | Lê Vũ Hoài         | Thương | 2868 | 019306000453 | Nữ        | 05/02/2006 | Tp. Sông Công - Thái Nguyên | Kinh    |           | KV2     | 12.00             | 5.8 | 0.25    | 18.05     |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh   | Thúy   | 2870 | 001306060161 | Nữ        | 28/06/2006 | Quốc Oai - Hà Nội           | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 8.3 | 0.25    | 19.55     |
| 11 | Nguyễn Thị         | Tiên   | 2872 | 004302000454 | Nữ        | 03/02/2002 | Quảng Hòa - Cao Bằng        | Tày     | 01        | KV1     | 12.00             | 7.5 | 2.75    | 22.25     |
| 12 | Hoàng Thanh        | Trang  | 2876 | 001306009048 | Nữ        | 15/07/2006 | Đống Đa - Hà Nội            | Kinh    |           | KV3     | 10.33             | 8.6 | 0.00    | 18.93     |
| 13 | Ngô Thu            | Uyên   | 2883 | 022306001614 | Nữ        | 25/03/2006 | Tiên Yên - Quảng Ninh       | Kinh    |           | KV2-NT  | 10.33             | 7.4 | 0.50    | 18.23     |
| 14 | Lê Hải             | Yến    | 2888 | 001306060774 | Nữ        | 16/10/2006 | Hà Đông - Hà Nội            | Kinh    |           | KV3     | 11.00             | 8.8 | 0.00    | 19.80     |

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH

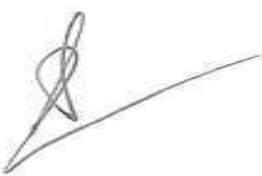
Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

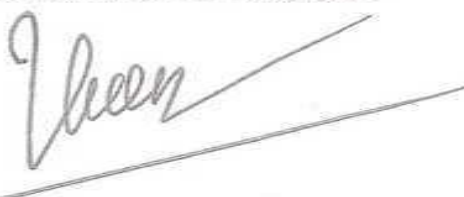
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

  
Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

  
TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

Ngành / Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Đỗ Thị Ngọc        | Ánh    | 2309 | 019306006355 | Nữ        | 01/03/2006 | Định Hóa - Thái Nguyên    | Nùng    | 01        | KV1     | 12.00             | 5.7 | 2.75    | 20.45     |
| 2  | Nguyễn Thị Ngọc    | Ánh    | 2310 | 001306033302 | Nữ        | 24/06/2006 | Mê Linh - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | 13.00             | 8.0 | 0.25    | 21.25     |
| 3  | Lê Minh            | Châu   | 2311 | 001306001982 | Nữ        | 17/04/2006 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh    |           | KV3     | 12.00             | 8.4 | 0.00    | 20.40     |
| 4  | Nguyễn Linh        | Chi    | 2314 | 033306006797 | Nữ        | 02/05/2006 | Văn Giang - Hưng Yên      | Kinh    |           | KV2-NT  | 14.00             | 7.9 | 0.50    | 22.40     |
| 5  | Vũ Anh             | Duy    | 2319 | 001206019376 | Nam       | 28/12/2006 | Long Biên - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 11.00             | 6.6 | 0.00    | 17.60     |
| 6  | Tạ Hương           | Giang  | 2322 | 001305003992 | Nữ        | 19/03/2005 | Nam Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 7.7 | 0.00    | 21.70     |
| 7  | Nguyễn Tiến        | Hung   | 2327 | 001205020508 | Nam       | 25/10/2005 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh    |           | KV3     | 13.00             | 7.9 | 0.00    | 20.90     |
| 8  | Mai Khánh          | Huyền  | 2330 | 038306021243 | Nữ        | 05/12/2006 | Nga Sơn - Thanh Hoá       | Kinh    |           | KV2-NT  | 12.00             | 8.5 | 0.50    | 21.00     |
| 9  | Trương Thu         | Huyền  | 2331 | 038306018472 | Nữ        | 01/03/2006 | Hậu Lộc - Thanh Hoá       | Kinh    |           | KV2-NT  | 13.00             | 8.0 | 0.50    | 21.50     |
| 10 | Trần Thái          | Khanh  | 2332 | 001206036528 | Nam       | 15/10/2006 | Đống Đa - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 13.00             | 9.3 | 0.00    | 22.30     |
| 11 | Nguyễn Ngọc Khánh  | Vân    | 2333 | 001306017449 | Nữ        | 03/04/2006 | Thanh Oai - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 13.00             | 8.9 | 0.00    | 21.90     |
| 12 | Nguyễn Hoàng       | Lan    | 2335 | 066306010510 | Nữ        | 02/11/2006 | Cư M'gar - Đắk Lắk        | Kinh    |           | KV1     | 14.00             | 6.9 | 0.75    | 21.65     |
| 13 | Ma Thị Tuyết       | Mai    | 2340 | 012306005729 | Nữ        | 11/09/2006 | Định Hóa - Thái Nguyên    | Tày     | 01        | KV1     | 14.00             | 7.9 | 2.75    | 24.65     |
| 14 | Đỗ Hà              | My     | 2343 | 001306006073 | Nữ        | 29/12/2006 | Ba Đình - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 8.0 | 0.00    | 22.00     |
| 15 | Nguyễn Minh        | Ngọc   | 2346 | 017306009723 | Nữ        | 13/02/2006 | Tp. Hòa Bình - Hoà Bình   | Kinh    |           | KV1     | 14.00             | 8.0 | 0.75    | 22.75     |
| 16 | Nguyễn Thị Minh    | Nguyệt | 2348 | 035305000170 | Nữ        | 20/04/2005 | Hoàng Mai - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 8.2 | 0.00    | 22.20     |
| 17 | Bạch Thu           | Phương | 2352 | 001302017331 | Nữ        | 11/10/2002 | Hai Bà Trưng - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 12.50             | 5.1 | 0.00    | 17.60     |
| 18 | Phan Đức Thế       | Quyền  | 2353 | 030204003936 | Nam       | 16/04/2004 | Tp. Hải Dương - Hải Dương | Kinh    |           | KV2     | 13.00             | 7.9 | 0.25    | 21.15     |
| 19 | Nguyễn Thị Như     | Quỳnh  | 2354 | 038306024923 | Nữ        | 26/08/2006 | Triệu Sơn - Thanh Hoá     | Kinh    |           | KV2-NT  | 13.00             | 7.9 | 0.50    | 21.40     |
| 20 | Vũ Thị Ngọc        | Quỳnh  | 2355 | 037306005819 | Nữ        | 07/09/2006 | Tp. Ninh Bình - Ninh Bình | Kinh    |           | KV2     | 10.00             | 7.5 | 0.25    | 17.75     |
| 21 | Nguyễn Thị Minh    | Tâm    | 2356 | 001304036284 | Nữ        | 30/07/2004 | Hoàn Kiếm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 12.00             | 8.1 | 0.00    | 20.10     |

|    |                  |        |      |              |     |            |                           |      |    |        |           |                    |      |       |
|----|------------------|--------|------|--------------|-----|------------|---------------------------|------|----|--------|-----------|--------------------|------|-------|
| 22 | Nguyễn Ngọc Anh  | Thư    | 2359 | 001306008744 | Nữ  | 22/06/2006 | Bắc Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh |    | KV3    | 14.50     | 7.7                | 0.00 | 22.20 |
| 23 | Hà Thị Kiều      | Trang  | 2361 | 008306007079 | Nữ  | 21/12/2006 | Mê Linh - Hà Nội          | Tây  | 06 | KV2    | 13.00     | 8.0                | 1.25 | 22.25 |
| 24 | Lê Mai           | Trang  | 2362 | 038306013261 | Nữ  | 02/09/2006 | Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá | Kinh |    | KV2    | 14.00     | 8.9                | 0.25 | 23.15 |
| 25 | Nguyễn Hoàng Thu | Trang  | 2363 | 001306068103 | Nữ  | 06/09/2006 | Hai Bà Trưng - Hà Nội     | Kinh |    | KV3    | 11.00     | 7.9                | 0.00 | 18.90 |
| 26 | Mai Hà           | Vy     | 2369 | 001306029933 | Nữ  | 01/11/2006 | Sóc Sơn - Hà Nội          | Kinh |    | KV2    | 14.00     | 8.3                | 0.25 | 22.55 |
| 27 | Trần Lệ          | Xuân   | 2371 | 004306002509 | Nữ  | 11/11/2006 | Tp. Cao Bằng - Cao Bằng   | Kinh |    | KV1    | 14.00     | 6.8                | 0.75 | 21.55 |
| 28 | Đặng Mai         | Chi    | 2312 | 001306019744 | Nữ  | 04/12/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội         | Kinh |    | KV3    | 12.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 29 | Nguyễn Thị Huyền | Diệu   | 2317 | 017306000022 | Nữ  | 20/08/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội        | Kinh |    | KV3    | 13.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 30 | Đoàn Linh        | Giang  | 2320 | 001306016963 | Nữ  | 01/12/2006 | Ba Đình - Hà Nội          | Kinh |    | KV3    | 13.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 31 | Lã Thanh         | Hà     | 2323 | 026306002531 | Nữ  | 25/09/2006 | Bình Xuyên - Vĩnh Phúc    | Kinh |    | KV2-NT | 15.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 32 | Nguyễn Ngọc      | Mai    | 2341 | 001305024007 | Nữ  | 02/08/2005 | Thanh Trì - Hà Nội        | Kinh |    | KV2    | 14.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 33 | Phạm Thu         | Mai    | 2342 | 038306026095 | Nữ  | 27/04/2006 | Nga Sơn - Thanh Hoá       | Kinh |    | KV2-NT | 15.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 34 | Nguyễn Gia       | Tuệ    | 2367 | 001306020706 | Nữ  | 27/08/2006 | Tây Hồ - Hà Nội           | Kinh |    | KV3    | 15.00     | Không nộp điểm văn |      |       |
| 35 | Bùi Quỳnh        | Anh    | 2302 | 038306000291 | Nữ  | 30/05/2006 | Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá | Kinh |    | KV2    | Không thi |                    |      |       |
| 36 | Hoàng Thị Phương | Anh    | 2305 | 033306000908 | Nữ  | 08/12/2006 | Khoái Châu - Hưng Yên     | Kinh |    | KV2-NT | Không thi |                    |      |       |
| 37 | Lê Thị           | Anh    | 2306 | 038306028387 | Nữ  | 15/12/2006 | Quảng Xương - Thanh Hoá   | Kinh |    | KV2-NT | Không thi |                    |      |       |
| 38 | Nguyễn Thùy      | Dương  | 2318 | 026306002514 | Nữ  | 20/01/2006 | Bình Xuyên - Vĩnh Phúc    | Kinh |    | KV2-NT | Không thi |                    |      |       |
| 39 | Nguyễn Hồng Việt | Hung   | 2326 | 001206039551 | Nam | 29/10/2006 | Ba Đình - Hà Nội          | Kinh |    | KV3    | Không thi |                    |      |       |
| 40 | Đặng Huyền       | Linh   | 2336 | 036306004541 | Nữ  | 13/07/2006 | Mỹ Lộc - Nam Định         | Kinh |    | KV2-NT | Không thi |                    |      |       |
| 41 | Đinh Bảo         | Linh   | 2337 | 022306000361 | Nữ  | 03/10/2006 | Nam Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh |    | KV3    | Không thi |                    |      |       |
| 42 | Trương Đình      | Nguyên | 2347 | 001206090473 | Nam | 02/10/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội        | Kinh |    | KV3    | Không thi |                    |      |       |
| 44 | Nguyễn Thanh     | Xuân   | 2370 | 001306002883 | Nữ  | 22/07/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội       | Kinh |    | KV3    | Không thi |                    |      |       |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
**(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)**

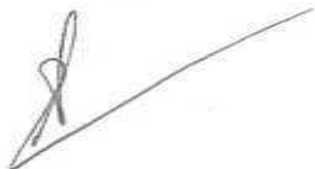
Ngành / Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa kỹ xảo

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |     |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|-----|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn | Ưu tiên |           |
| 1  | Hoàng Diệu         | Anh    | 2403 | 034306008792 | Nữ        | 02/11/2006 | Quỳnh Phụ - Thái Bình     | Kinh    |           | KV2     | 11.00             | 8.0 | 0.25    | 19.25     |
| 2  | Lê Mai             | Anh    | 2404 | 038306017461 | Nữ        | 19/06/2006 | Thường Xuân - Thanh Hoá   | Kinh    |           | KV1     | 13.00             | 8.1 | 0.75    | 21.85     |
| 3  | Trần Thị Mai       | Anh    | 2411 | 024305005157 | Nữ        | 22/06/2005 | Tp. Bắc Giang - Bắc Giang | Kinh    |           | KV2     | 13.00             | 7.2 | 0.25    | 20.45     |
| 4  | Nguyễn Quang       | Bách   | 2412 | 001206079345 | Nam       | 04/07/2006 | Ba Đình - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 8.2 | 0.00    | 22.20     |
| 5  | Ngô Quỳnh          | Chi    | 2413 | 001306026288 | Nữ        | 27/01/2006 | Đông Anh - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 13.50             | 7.5 | 0.00    | 21.00     |
| 6  | Nguyễn Yến         | Chi    | 2414 | 001306033951 | Nữ        | 31/12/2006 | Đống Đa - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 7.1 | 0.00    | 21.10     |
| 7  | Đinh Hoàng         | Giang  | 2416 | 001205034154 | Nam       | 06/12/2005 | Nam Từ Liêm - Hà Nội      | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 8.5 | 0.00    | 18.50     |
| 8  | Phạm Thu           | Giang  | 2417 | 001306023583 | Nữ        | 25/11/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 14.50             | 9.1 | 0.00    | 23.60     |
| 9  | Vũ Thị Nguyệt      | Hằng   | 2422 | 001305029500 | Nữ        | 18/01/2005 | Phúc Thọ - Hà Nội         | Kinh    |           | KV2     | 13.00             | 6.3 | 0.25    | 19.55     |
| 10 | Nguyễn Mai         | Linh   | 2428 | 001306033645 | Nữ        | 11/01/2006 | Đông Anh - Hà Nội         | Kinh    |           | KV2     | 12.00             | 7.3 | 0.25    | 19.55     |
| 11 | Trịnh Phương       | Linh   | 2430 | 001306064787 | Nữ        | 21/09/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội       | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | 8.0 | 0.00    | 22.00     |
| 12 | Đặng Mỹ            | Lương  | 2431 | 001306036120 | Nữ        | 07/05/2006 | Hai Bà Trưng - Hà Nội     | Kinh    |           | KV2     | 13.50             | 7.8 | 0.25    | 21.55     |
| 13 | Trần Thanh         | Mai    | 2432 | 033306006814 | Nữ        | 23/07/2006 | Văn Giang - Hưng Yên      | Kinh    |           | KV2-NT  | 14.00             | 8.4 | 0.50    | 22.90     |
| 14 | Trương Thị Hồng    | Ngọc   | 2439 | 038305006639 | Nữ        | 10/11/2005 | Nông Cống - Thanh Hoá     | Kinh    |           | KV2-NT  | 11.00             | 8.0 | 0.50    | 19.50     |
| 15 | Nguyễn Ánh         | Nguyệt | 2440 | 022306002307 | Nữ        | 01/09/2006 | Tp. Cẩm Phả - Quảng Ninh  | Kinh    |           | KV2     | 13.00             | 8.6 | 0.25    | 21.85     |
| 16 | Văn Thái           | Son    | 2445 | 001206026319 | Nam       | 30/09/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 12.00             | 8.0 | 0.00    | 20.00     |
| 17 | Đỗ Ngân            | Thương | 2448 | 025306009662 | Nữ        | 03/03/2006 | Thanh Sơn - Phú Thọ       | Kinh    |           | KV1     | 14.00             | 9.0 | 0.75    | 23.75     |
| 18 | Đặng Trọng         | Toàn   | 2450 | 001202018965 | Nam       | 04/08/2002 | Hoàn Kiếm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 10.00             | 6.1 | 0.00    | 16.10     |
| 19 | Nguyễn Khánh       | Toàn   | 2451 | 001204012185 | Nam       | 15/11/2004 | Long Biên - Hà Nội        | Kinh    |           | KV2     | 14.00             | 6.1 | 0.25    | 20.35     |
| 20 | Nguyễn Văn         | Vũ     | 2464 | 033206007123 | Nam       | 07/09/2006 | Văn Giang - Hưng Yên      | Kinh    |           | KV2-NT  | 13.00             | 7.9 | 0.50    | 21.40     |



|    |                 |        |      |              |     |            |                            |      |    |        |       |                    |
|----|-----------------|--------|------|--------------|-----|------------|----------------------------|------|----|--------|-------|--------------------|
| 21 | Bùi Diệu        | Linh   | 2425 | 010306008073 | Nữ  | 27/07/2006 | Tp. Lào Cai - Lào Cai      | Kinh |    | KV2    | 15.00 | Không nộp điểm văn |
| 22 | Vương Sơn       | Tuấn   | 2461 | 001203028754 | Nam | 02/11/2003 | Hoài Đức - Hà Nội          | Kinh |    | KV3    | 10.00 | Không nộp điểm văn |
| 23 | Đỗ Thị          | Vân    | 2462 | 001305022266 | Nữ  | 01/05/2005 | Đông Anh - Hà Nội          | Kinh |    | KV2    | 16.50 | Không nộp điểm văn |
| 24 | Ngô Đức         | Minh   | 2465 | 001206020270 | Nam | 10/10/2006 | Đống Đa - Hà Nội           | Kinh |    | KV3    | 13.00 | Không nộp điểm văn |
| 25 | Đỗ Văn          | Anh    | 2401 | 001306027232 | Nữ  | 09/07/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội        | Kinh |    | KV3    |       | Không thi          |
| 26 | Lê Tuyết        | Anh    | 2405 | 038306011951 | Nữ  | 02/02/2006 | Ngọc Lặc - Thanh Hoá       | Kinh |    | KV1    |       | Không thi          |
| 27 | Đinh Ngân       | Hà     | 2418 | 022306007150 | Nữ  | 13/12/2006 | Tp. Uông Bí - Quảng Ninh   | Kinh |    | KV1    |       | Không thi          |
| 28 | Nguyễn Minh     | Hằng   | 2421 | 015306000084 | Nữ  | 17/10/2006 | Tp. Yên Bái - Yên Bái      | Tây  | 01 | KV1    |       | Không thi          |
| 29 | Ngô Phạm Nguyên | Hiếu   | 2424 | 038206024628 | Nam | 22/10/2006 | Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá  | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 30 | Trần Tú         | Linh   | 2429 | 017306000130 | Nữ  | 02/04/2006 | Hà Đông - Hà Nội           | Kinh |    | KV3    |       | Không thi          |
| 31 | Hồ Thị          | Mến    | 2433 | 027306004805 | Nữ  | 29/04/2006 | Tx. Thuận Thành - Bắc Ninh | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 32 | Phan Kim        | Ngân   | 2437 | 034306003934 | Nữ  | 29/07/2006 | Tp. Thái Bình - Thái Bình  | Kinh |    | KV2-NT |       | Không thi          |
| 33 | Tạ Bảo          | Ngân   | 2438 | 001306027305 | Nữ  | 28/02/2006 | Hoài Đức - Hà Nội          | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 34 | Lê Công         | Phong  | 2441 | 022206004874 | Nam | 03/02/2006 | Tx. Quảng Yên - Quảng Ninh | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 35 | Nguyễn Minh     | Phương | 2443 | 001306023144 | Nữ  | 01/10/2006 | Đống Đa - Hà Nội           | Kinh |    | KV3    |       | Không thi          |
| 36 | Nguyễn Thị      | Thu    | 2447 | 038306023919 | Nữ  | 06/11/2006 | Thị xã Hóa - Thanh Hoá     | Kinh |    | KV2-NT |       | Không thi          |
| 37 | Đổng Thị Thanh  | Trà    | 2452 | 030306014874 | Nữ  | 01/08/2006 | Tp. Chí Linh - Hải Dương   | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 38 | Nguyễn Minh     | Trang  | 2457 | 001306006303 | Nữ  | 24/07/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội          | Kinh |    | KV3    |       | Không thi          |
| 39 | Hà Khắc         | Tuấn   | 2459 | 001206025632 | Nam | 02/05/2006 | Phủ Xuyên - Hà Nội         | Kinh |    | KV2    |       | Không thi          |
| 40 | Phạm Đức        | Tuấn   | 2460 | 037206002175 | Nam | 13/04/2006 | Nho Quan - Ninh Bình       | Kinh |    | KV2-NT |       | Không thi          |
| 41 | Lê Vũ Thảo      | Vân    | 2463 | 231306000042 | Nữ  | 11/05/2006 | Thanh Xuân - Hà Nội        | Kinh |    | KV3    |       | Không thi          |

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẠT KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024**  
**(Trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)**

Ngành / Chuyên ngành: Nghệ thuật hóa trang

| TT | Họ và tên thí sinh |        | SBD  | CMND/CCCD    | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu                   | Dân tộc | Đối tượng | Khu vực | Điểm              |                    |         | Tổng điểm |
|----|--------------------|--------|------|--------------|-----------|------------|---------------------------|---------|-----------|---------|-------------------|--------------------|---------|-----------|
|    |                    |        |      |              |           |            |                           |         |           |         | Chuyên môn nhân 2 | Văn                | Ưu tiên |           |
| 1  | Trương Nhật        | Ánh    | 2509 | 001305004909 | Nữ        | 03/09/2005 | Hoàn Kiếm - Hà Nội        | Kinh    |           | KV3     | 13.33             | 7.0                | 0.00    | 20.33     |
| 2  | Ngô Công           | Đạt    | 2511 | 022206004766 | Nam       | 16/04/2006 | Tp. Móng Cái - Quảng Ninh | Kinh    |           | KV2     | 13.67             | 8.3                | 0.25    | 22.22     |
| 3  | Lê Thanh           | Hằng   | 2517 | 034306000122 | Nữ        | 09/03/2006 | Ngô Quyền - Hải Phòng     | Kinh    |           | KV3     | 13.33             | 7.9                | 0.00    | 21.23     |
| 4  | Nguyễn Phương      | Hằng   | 2518 | 001306066196 | Nữ        | 16/12/2006 | Tx. Sơn Tây - Hà Nội      | Kinh    |           | KV2     | 15.33             | 8.4                | 0.25    | 23.98     |
| 5  | Đỗ Thị Hồng        | Hạnh   | 2519 | 038306017958 | Nữ        | 03/11/2006 | Tp. Thanh Hóa - Thanh Hoá | Kinh    |           | KV2     | 12.67             | 9.2                | 0.25    | 22.12     |
| 6  | Nguyễn Thị Hồng    | Hạnh   | 2520 | 031306002808 | Nữ        | 11/03/2006 | Tiên Lãng - Hải Phòng     | Kinh    |           | KV2     | 12.67             | 7.0                | 0.25    | 19.92     |
| 7  | Lê Thị Khánh       | Lĩnh   | 2531 | 026306008555 | Nữ        | 05/08/2006 | Yên Lạc - Vĩnh Phúc       | Kinh    |           | KV2-NT  | 13.33             | 7.1                | 0.50    | 20.93     |
| 8  | Nguyễn Thị Kim     | Ngân   | 2537 | 011306005794 | Nữ        | 29/10/2006 | Tp. Phủ Yên - Thái Nguyên | Kinh    |           | KV2     | 13.67             | 8.0                | 0.25    | 21.92     |
| 9  | Vương Bảo          | Ngọc   | 2538 | 001306019110 | Nữ        | 30/11/2006 | Cầu Giấy - Hà Nội         | Kinh    |           | KV3     | 12.67             | 7.5                | 0.00    | 20.17     |
| 10 | Lê Hồng            | Phúc   | 2540 | 001206081263 | Nam       | 07/08/2006 | Sóc Sơn - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | 14.33             | 8.1                | 0.25    | 22.68     |
| 11 | Hà Kim             | Phương | 2541 | 011306008568 | Nữ        | 17/08/2006 | Tp. Hòa Bình - Hoà Bình   | Kinh    |           | KV1     | 14.00             | 7.2                | 0.75    | 21.95     |
| 12 | Trịnh Nguyễn Quỳnh | Phương | 2543 | 025305013738 | Nữ        | 23/11/2005 | Cẩm Khê - Phú Thọ         | Kinh    |           | KV1     | 13.00             | 8.0                | 0.75    | 21.75     |
| 13 | Trần Thị Thúy      | Quỳnh  | 2546 | 036306003010 | Nữ        | 26/05/2006 | Trực Ninh - Nam Định      | Kinh    |           | KV2-NT  | 14.00             | 8.7                | 0.50    | 23.20     |
| 14 | Nguyễn Thị         | Trâm   | 2551 | 022305004290 | Nữ        | 07/01/2005 | Tiên Yên - Quảng Ninh     | Kinh    |           | KV2-NT  | 15.00             | 7.5                | 0.50    | 23.00     |
| 15 | Nguyễn Quỳnh       | Trang  | 2553 | 001306020902 | Nữ        | 02/05/2006 | Gia Lâm - Hà Nội          | Kinh    |           | KV2     | 13.33             | 7.2                | 0.25    | 20.78     |
| 16 | Đỗ Thị Bích        | Vi     | 2555 | 033306005743 | Nữ        | 23/12/2006 | Khoái Châu - Hưng Yên     | Kinh    |           | KV2-NT  | 13.00             | 7.7                | 0.50    | 21.20     |
| 17 | Nguyễn Thị Ngọc    | Anh    | 2504 | 040306022089 | Nữ        | 19/12/2006 | Quỳnh Lưu - Nghệ An       | Kinh    |           | KV2-NT  | 14.00             | Không nộp điểm văn |         |           |
| 18 | Nguyễn Vy          | Anh    | 2507 | 001306023371 | Nữ        | 27/01/2006 | Hai Bà Trưng - Hà Nội     | Kinh    |           | KV3     | 14.00             | Không nộp điểm văn |         |           |
| 19 | Phạm Thùy          | Linh   | 2530 | 034305003472 | Nữ        | 31/08/2005 | Đống Đa - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | 16.33             | Không nộp điểm văn |         |           |
| 20 | Đinh Thị Minh      | Anh    | 2501 | 001306004870 | Nữ        | 19/11/2006 | Đống Đa - Hà Nội          | Kinh    |           | KV3     | Không thi         |                    |         |           |

|    |               |       |      |              |    |            |                        |      |    |     |           |
|----|---------------|-------|------|--------------|----|------------|------------------------|------|----|-----|-----------|
| 21 | Ngô Thị Hoàng | Anh   | 2502 | 049306008573 | Nữ | 14/07/2006 | Tp. Hội An - Quảng Nam | Kinh |    | KV2 | Không thi |
| 22 | Lê Thị Minh   | Chi   | 2510 | 031306008458 | Nữ | 15/12/2006 | Ngô Quyền - Hải Phòng  | Kinh |    | KV3 | Không thi |
| 23 | Vũ Hương      | Giang | 2515 | 001306028381 | Nữ | 18/01/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội     | Kinh |    | KV3 | Không thi |
| 24 | Đỗ Thu        | Hiền  | 2521 | 019306007915 | Nữ | 03/02/2006 | Đại Từ - Thái Nguyên   | Tây  | 01 | KV1 | Không thi |
| 25 | Hồ Phương     | Linh  | 2526 | 001305020520 | Nữ | 24/12/2005 | Hà Đông - Hà Nội       | Kinh |    | KV3 | Không thi |
| 26 | Phạm Thùy     | Linh  | 2529 | 001306015860 | Nữ | 18/12/2006 | Hoàng Mai - Hà Nội     | Kinh |    | KV3 | Không thi |
| 27 | Vũ Minh       | Thu   | 2549 | 031306015810 | Nữ | 11/04/2006 | Hải An - Hải Phòng     | Kinh |    | KV3 | Không thi |

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ths. Trịnh Thị Huyền Trang

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Thị Hồng Hiền

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Đình Thi

